

PHIẾU THÔNG TIN ĐIỆN TỬ ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
(Kèm theo Quy chế phối hợp số 01/QCPH-CT-CQLĐĐ ngày 07/01/2026 của Cục Thuế và
Cục Quản lý đất đai)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÁNH LINH

Số: /PCTT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tánh Linh, ngày tháng 6 năm 2026

**PHIẾU THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Thuế Cơ sở 9 tỉnh Lâm Đồng

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC

- 1.1. Mã số hồ sơ thủ tục hành chính: H36.188-260521-0002
1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: 21/5/2026
1.3. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Chuyển mục đích sử dụng đất
1.4. Căn cứ pháp lý:
- Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về ban hành Quy định Bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;
- Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất; hạn mức giao đất, hạn mức công nhận, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;
- Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT/NGƯỜI NHẬN CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- 1.1. Tên: Nguyễn Tiến
1.2. Địa chỉ: Thôn 7, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng
1.3. Số điện thoại liên hệ: 0919030769 Email (nếu có):
1.4. Mã số thuế (nếu có):
1.5. Giấy tờ pháp nhân/số hộ chiếu/Số định danh cá nhân:
Loại giấy tờ: CCCD số: 060048003102, ngày sinh: 01/01/1948
(Kèm theo Bảng 1: Danh sách đồng sử dụng, đồng sở hữu)

2. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT

2.1. Tên:.....

2.2. Địa chỉ:

2.3. Số điện thoại liên hệ: Email (nếu có):

2.4. Mã số thuế (nếu có):

2.5. Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân:

Loại giấy tờ: Số giấy tờ: Ngày sinh:

(Trường hợp có nhiều người đồng sử dụng, sở hữu thì kê khai thông tin một người đại diện: đồng thời lập danh sách theo Bảng 2 đính kèm).

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. THÔNG TIN VỀ ĐẤT

1.1. Thửa đất số: 102; Tờ bản đồ số: 170 (nay là tờ bản đồ số 295)

1.2. Địa chỉ tại: Thôn 7, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng

1.3. Giá đất:

1.3.1. Đất ở tại nông thôn: Căn cứ Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đất ở tại nông thôn thuộc vị trí 1 (giáp đất ở ven các trục đường nhựa, bề rộng từ 3m đến dưới 6m) có giá: 1.360.000 đồng/m² (chưa nhân hệ số và tỷ lệ (%) điều chỉnh độ sâu)

Giá đất Vị trí 1 = Giá chuẩn Vị trí 1 x K_{GR} x K_{ĐH} x K_{TL} x Tỷ lệ (%) điều chỉnh chiều sâu. Trong đó:

- K_{GR}: Không có

- K_{ĐH}: Không có

- K_{TL}: Không có

- Tỷ lệ (%) điều chỉnh chiều sâu: Phần diện tích của thửa đất, lô đất, khu đất có chiều sâu tính từ lộ giới hoặc mép đường vào đến 30 mét, giá đất tính bằng 100% giá đất quy định: 108,0 m².

1.3.2. Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Đất trồng cây lâu năm, vị trí 3.

- Căn cứ Điểm 1 và Điểm 5 mục I, Phụ lục 92 kèm theo Quy định Bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng: Đất nông nghiệp trong khu dân cư: Giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất đang sử dụng, cùng vị trí.

Vậy, giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất: 61.000 đồng/m² x 1,5 = 91.500 đồng/m²

Loại giá	Đơn giá (VNĐ/m ²)
Giá đất theo bảng giá:	1.360.000

Hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có):	
Giá trúng cụ thể:	
Giá đất trúng đấu giá:	
Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:	91.500

1.4. Diện tích thửa đất: 12180,1 m²

- Diện tích sử dụng chung: m²
- Diện tích sử dụng riêng: m²
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 108,0 m²
- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²
- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: 108,0 m²
- Diện tích đất trong hạn mức: 100,0 m²
- Diện tích đất ngoài hạn mức: 8,0 m² (vượt hạn mức nhưng không vượt quá một lần hạn mức giao đất ở tại địa phương).
- Diện tích sử dụng trái mục đích:m²
- Diện tích đất lấn chiếm:m²

1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:

- Nguồn gốc trước khi chuyển mục đích sử dụng đất: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (Đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở được xác định khi công nhận quyền sử dụng đất, thuộc trường hợp áp dụng chính sách giảm tiền sử dụng đất theo Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 50/2026/NĐ-CP của Chính phủ).
- Nguồn gốc sau khi chuyển mục đích sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

1.6. Mục đích sử dụng đất: ONT

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: CLN

1.7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài

- Có thời hạn: năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....
- Gia hạn năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....

1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày: 11/6/2026

1.9. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 của UBND xã Tánh Linh về việc cho phép hộ ông Nguyễn Tiến và bà Nguyễn Thị Lang chuyển mục đích sử dụng đất.

2. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- 2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:
- 2.2. Diện tích xây dựng:m²
- 2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng: m²
- 2.4. Diện tích sở hữu chung: m²; Diện tích sở hữu riêng: m²

2.5. Số tầng: tầng; trong đó, số tầng nổi: tầng, số tầng hầm: tầng
2.6. Nguồn gốc:
2.7. Năm hoàn thành xây dựng:.....
2.8. Thời hạn sở hữu đến:
(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình thì lập danh sách theo Bảng 4 đính kèm)
3. Trường hợp có biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
3.1. Loại biến động (Chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng...)
3.2. Loại tài sản biến động (Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất...)
3.3. Giá trị hợp đồng chuyển nhượng/nhận thừa kế/nhận tặng cho (thể hiện nếu có thông tin):
- Giá trị đất (nếu có):
- Giá trị tài sản trên đất (nếu có):
- Giá trị tài sản trên đất + đất (nếu có).....
(Trường hợp có nhiều lần biến động thì kê khai thông tin lần biến động cuối; đồng thời lập danh sách theo Bảng 5)
IV. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM TRONG LÒNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC
1. Đối với thuê đất để xây dựng công trình ngầm trong lòng đất (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất và không phải là đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm):
- Diện tích đất: m ²
- Giá đất tính tiền thuê đất:
2. Đối với thuê đất có mặt nước:
- Diện tích đất: m ²
- Diện tích mặt nước: m ²
- Giá đất để tính tiền thuê đất của phần diện tích đất:
V. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ)
1. Trường hợp ghi nợ:.....
2. Thời điểm bắt đầu ghi nợ:
3. Tiền sử dụng đất:
4. Lệ phí trước bạ:
VI. THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN, GIẢM NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
1. Trường hợp do cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường xác định:
1.1. Đối tượng, lý do miễn:
1.2. Quyết định miễn:.....

Số: Ngày: Cơ quan ban hành:
1.3. Thông tin miễn:
2. Trường hợp do cơ quan thuế xác định:
2.1. Đối tượng, lý do NNT đề nghị miễn/giảm:
2.2. Số tiền NNT đề nghị miễn/giảm:
VII. THÔNG TIN CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
1. Chi phí hạ tầng:
1.1. Số văn bản Ngày
1.2. Số tiền:
2. Các khoản giảm trừ khác
2.1. Số văn bản:
2.2. Ngày quyết định
2.3. Số tiền:
2.4. Loại giảm trừ:
VIII. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP
- Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; - Tờ khai lệ phí trước bạ; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo); - Đơn đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND xã (Đ/c Mân);
- Phòng Kinh tế xã;;
- Lưu: VT, PKT_{Ng}, Y (06b).

CHỦ TỊCH

Mai Trí Mân

BẢNG KÊ CHI TIẾT

Bảng 1: Danh sách đồng sử dụng, đồng sở hữu

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người nhận chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất	Địa chỉ	Mã số thuế (nếu có)	Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân	Diện tích sử dụng/Tỷ lệ sở hữu (nếu có)
1	Bà Nguyễn Thị Lang	Thôn 7, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số 060149004089	
2	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Thôn 8, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số 060075009322	
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thôn 1, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số 060177000911	
4	Ông Nguyễn Thanh Cầu	Thôn 7, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số 060083001550	
5	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thôn 4, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số 060181001484	
6	Bà Nguyễn Thị Hồng Tám	Tổ 8, ấp Tân Hòa 1, phường Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp		CC số 060185007819	
7	Bà Nguyễn Thị Hồng Nữ	Thôn 2, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số 060190014019	
8	Ông Nguyễn Thanh Nam	Thôn 7, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số 060091009710	